

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1308/STP-TC

V/v Đăng ký tham gia hội thi
“Tìm hiểu pháp luật về bình đẳng giới”
năm 2015

Đồng Nai, ngày 24 tháng 9 năm 2015

Kính gửi:

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản;
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Phòng Công chứng số 1, 2, 3, 4 tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-BVSTBPN ngày 27/8/2015 của Ban vì sự tiến bộ của Phụ nữ tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Kế hoạch Tổ chức hội thi “Tìm hiểu pháp luật về bình đẳng giới” năm 2015.

Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu các Phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Phòng Công chứng số 1, 2, 3, 4 tỉnh Đồng Nai nghiên cứu nội dung mục III của Kế hoạch nêu trên triển khai cho công chức, viên chức biết để đăng ký tham gia theo quy định (Kế hoạch được đăng tải trên trang thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn/vanbanphapquy>)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, TC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**SỞ
TƯ PHÁP**

Huỳnh Minh Thiện

Số: 13 /KH-BVSTBPN

Đồng Nai, ngày 27 tháng 8 năm 2015

KẾ HOẠCH

Tổ chức hội thi "Tìm hiểu pháp luật về bình đẳng giới" năm 2015

Thực hiện Chương trình công tác năm 2015, Ban Vi sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh (VSTBPN) tổ chức hội thi "Tìm hiểu pháp luật về bình đẳng giới" năm 2015, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật về bình đẳng giới; phổ biến sâu rộng các văn bản pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, qua đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bình đẳng giới;

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc nghiên cứu, tìm hiểu và thi hành pháp luật về bình đẳng giới, đồng thời tăng cường sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của cơ quan, đoàn thể đối với công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới, góp phần đưa Luật Bình đẳng giới đi vào cuộc sống.

2. Yêu cầu

- Hội thi được tổ chức với nội dung thiết thực, phù hợp với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, phát huy được tính chủ động, sáng tạo, thu hút sự quan tâm, nhiệt tình ủng hộ của đông đảo cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn tỉnh;

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền dưới nhiều hình thức và nội dung phong phú để nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thấy rõ trách nhiệm của mình và tích cực tham gia dự thi;

- Việc tổ chức hội thi cần phải đảm bảo an toàn, tiết kiệm và đạt chất lượng cao.

II. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ THI

- Cán bộ, công chức và viên chức công tác tại các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tác tại các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN TỔ CHỨC THI

1. Nội dung thi

- Luật Bình đẳng giới đã được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2006 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007;
- Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới;
- Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
- Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới;
- Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ giai đoạn 2011 – 2020;
- Tìm hiểu nội dung 8 mục tiêu phát triển thiên niên kỷ do Đại Hội đồng Liên hợp quốc thông qua tại kỳ họp lần thứ 62, tháng 10/2007.

2. Hình thức thi

Thi theo đội, mỗi đội dự thi có 05 người gồm cả nam và nữ với số lượng đội tham gia như sau:

- Đối với cấp huyện, thị xã, thành phố cử 01 đến 02 đội đại diện tham gia hội thi;
- Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh mỗi đơn vị cử 01 đội (nếu cơ quan không đủ thành phần tham gia thì có thể phối hợp với đơn vị khác thành 01 đội tham gia hội thi).

3. Thời gian tổ chức thi

- Hội thi cấp cơ sở: Từ ngày ban hành Kế hoạch đến hết ngày 30/9/2015;
- Hội thi cấp tỉnh: Dự kiến tổ chức từ ngày 06 – 09/10/2015.

4. Quy chế hội thi: (Văn bản đính kèm).

IV. CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG

1. Giải thưởng chính

- 01 giải nhất;
- 02 giải nhì;
- 03 giải ba;
- 06 giải khuyến khích.

2. Giải thưởng phụ

- 01 giải dành cho đội có phần thi chào hỏi ấn tượng nhất;
- 01 giải dành cho đội có phần thi tiểu phẩm hay nhất;

- 01 giải dành cho đơn vị có số lượng cổ động viên đông và nhiệt tình nhất và một số phần quà dành cho khán giả trả lời đúng câu hỏi của Ban Tổ chức trong phần giao lưu với khán giả.

(Ngoài ra, Ban Tổ chức hỗ trợ tiền ăn trưa cho các thí sinh tham gia hội thi cấp tỉnh theo mức: các thí sinh không hưởng lương là 100.000đ/người/ngày; các thí sinh còn lại là 40.000đ/người/ngày).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban tổ chức Hội thi

- Ông Nguyễn Văn Thuộc, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phó Trưởng ban Thường trực Ban VSTBPN tỉnh - Trưởng ban;

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh - Phó Trưởng ban;

- Ông Nguyễn Văn Út, Phó Giám đốc Sở Nội vụ - Thành viên;

- Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Thành viên;

- Ông Đinh Việt Tiến, Phó Giám đốc Sở Tài chính - Thành viên;

- Bà Lê Thị Ngọc Loan, Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM tỉnh Đồng Nai - Thành viên;

- Ông Lê Quang Vinh, Trưởng phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp - Thành viên.

2. Ban Giám khảo

- Mời Tiến sĩ Huỳnh Văn Tới, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Trưởng ban;

- Ông Nguyễn Văn Thuộc, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Phó Trưởng ban;

- Bà Nguyễn Phước Mạnh, Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh - Thành viên;

- Bà Lê Thị Thái, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh - Thành viên;

- Bà Phạm Thị Lệ Thủy, Q.Trưởng Phòng Bình đẳng giới, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Thành viên;

- Ông Trần Văn Út - Phó Trưởng phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp - Thành viên;

- NSƯT Trần Đức Sìn, Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa tỉnh Đồng Nai - Thành viên.

3. Tổ Thư ký

- Ông Hoàng Vĩnh Quang, Phó Trưởng phòng Phòng Bình đẳng giới, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Tổ trưởng;

- Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Chuyên viên Phòng Bình đẳng giới, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Thành viên;

- Bà Võ Thị Chung Thủy, Chuyên viên Phòng Bình đẳng giới, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Thành viên;

- Bà Võ Thị Mai, Chuyên viên Phòng Bình đẳng giới, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Thành viên.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký

Thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo và Tổ Thư ký có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, phát động cán bộ, công chức, viên chức nơi đang công tác tích cực tham gia hội thi, đồng thời nêu cao tinh thần trách nhiệm, làm việc trung thực, khách quan để hội thi đạt kết quả.

4.2. Thường trực Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, ban hành quy chế và biên soạn bộ đề thi (gồm câu hỏi, tình huống và đáp án); Hỗ trợ Ban VSTBPN các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ban VSTBPN các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức hội thi cấp cơ sở;

- In ấn và phát hành các tài liệu liên quan đến hội thi cho các cơ quan, đơn vị tham gia;

- Tổ chức họp Ban Giám khảo thống nhất nội dung, quy chế và tổng kết hội thi;

- Dự trù kinh phí hội thi cấp tỉnh và quyết toán tài chính theo quy định;

- Báo cáo kết quả hội thi cho Trưởng ban VSTBPN tỉnh.

4.3. Ban VSTBPN các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ban VSTBPN các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, triển khai hội thi cho các cấp, các ngành và phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức hội thi cấp cơ sở trước khi thành lập đội tuyển dự thi cấp tỉnh;

- Tham mưu lãnh đạo đơn vị, địa phương hỗ trợ kinh phí tập luyện, sinh hoạt phí những ngày tham gia hội thi và bố trí xe đưa, đón đội tuyển dự thi cấp tỉnh;

- Đăng ký số lượng đội tham gia dự thi về Ban Tổ chức (Phòng Bình đẳng giới, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) trước ngày 22/9/2015 để tổng hợp.

4.4. Đề nghị Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai hỗ trợ ghi hình toàn bộ các tiểu phẩm của hội thi để dựng phim, phục vụ công tác tuyên truyền theo hợp đồng đã ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2015; đồng thời cùng với Báo Đồng Nai và Báo Lao động Đồng Nai hỗ trợ tuyên truyền trước, trong và sau hội thi để hội thi đạt kết quả cao.

VI. KINH PHÍ

- Kinh phí tổ chức hội thi cấp cơ sở trích trong kinh phí hoạt động của Ban VSTBPN các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ban VSTBPN các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa;

- Kinh phí tổ chức hội thi cấp tỉnh được trích từ kinh phí của Ban VSTBPN tỉnh năm 2015, đã phân bổ cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

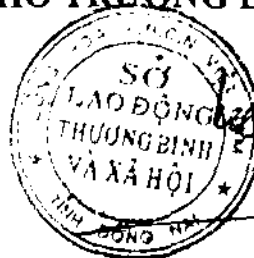
Trên đây là kế hoạch tổ chức Hội thi “Tìm hiểu pháp luật về bình đẳng giới” năm 2015, đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc cần trao đổi, đề nghị liên hệ Phòng Bình đẳng giới, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 5, đường Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Số điện thoại: 0612.636.222; hộp thư điện tử: binh dang gioi dong nai@gmail.com để được hướng dẫn. /.

Nơi nhận:

- VP. UBND VSTBPN Việt Nam (b/c);
- Thành viên Ban VSTBPN tỉnh;
- Ban VSTBPN các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ban VSTBPN các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Thành viên BTC, BGK, Tổ TK;
- Đài PTTH Đồng Nai, Báo Đồng Nai, Báo Lao động ĐN (đề nghị tuyên truyền);
- Lưu: VT, BDG.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - TBXH
Nguyễn Văn Thuộc

QUY CHẾ

Hội thi “Tìm hiểu pháp luật về Bình đẳng giới” năm 2015

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-BVSTBPN ngày 27 / 8 /2015
của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh)*

I. CÁC ĐỘI THAM GIA HỘI THI CÓ TRÁCH NHIỆM

- Thực hiện đầy đủ các hoạt động trong hội thi do Ban Tổ chức yêu cầu, đồng thời phải có mặt trong suốt thời gian tiến hành hội thi. Trường hợp vắng mặt phải có lý do và được Ban Tổ chức đồng ý.

- Tham gia đầy đủ các phần thi theo kế hoạch. Tuân thủ đúng thời gian đã quy định cho mỗi phần thi. Nếu quá thời gian quy định Ban Giám khảo sẽ trừ điểm.

- Các đội tham gia dự thi mặc trang phục tự chọn sao cho phù hợp với phần thi của mình nhưng phải đảm bảo thuần phong mỹ tục; trong thời gian diễn ra hội thi, không làm việc riêng, không phát ngôn tùy tiện, không sử dụng điện thoại di động trong hội trường làm ảnh hưởng đến hội thi.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đến dự, cổ vũ cho các đội thi phải chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của hội thi và đặc biệt không được nhắc bài cho đội dự thi (nếu vi phạm thì Ban Tổ chức sẽ trừ 3 điểm vào tổng điểm của đội tham gia phần thi đó).

II. HÌNH THỨC THI

- Hội thi được chia làm 03 bảng: A, B, C, cụ thể như sau:

+ Bảng A gồm các đội tham gia dự thi của các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

+ Bảng B và C gồm các đội tham gia dự thi của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

- Hội thi được chia làm 03 vòng, cụ thể:

1. Vòng loại: Có 02 phần thi

- Phần thi chào hỏi: Mỗi đội có 05 phút để giới thiệu các thành viên của đội mình và giới thiệu tóm tắt việc thực hiện Luật Bình đẳng giới ở địa phương, đơn vị mình đang sinh sống và công tác.

- Phần thi tiểu phẩm: Mỗi đội có 15 phút cho phần thi của mình với nhiều hình thức đa dạng, sáng tạo và không bị hạn chế về thể loại. Ngoài số lượng thành viên tham gia dự thi, có thể bổ sung thêm một số thành viên tham gia trong vai quần chúng, nhưng không được thuê mượn người ngoài cơ quan, đơn vị.

- Nội dung của tiểu phẩm được lựa chọn một trong 8 lĩnh vực bình đẳng giới đã được Luật Bình đẳng giới quy định, khuyến khích các đội lựa chọn nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

- Ban Giám khảo căn cứ vào tiểu phẩm của các đơn vị để chấm điểm theo các tiêu chí sau: chủ đề, nội dung tiểu phẩm, trang phục, nghệ thuật biểu diễn, sử dụng đạo cụ...

Ban Giám khảo chấm và tính điểm từ cao xuống thấp của từng bảng để lấy 12 đội vào vòng thi bán kết (mỗi bảng lấy 04 đội).

(Đề nghị các đội gửi nội dung phần thi tiểu phẩm về Ban Tổ chức trước ngày khai mạc hội thi 01 tuần để Ban Tổ chức duyệt nội dung).

2. Vòng bán kết: Có 01 phần thi

Vòng bán kết chia làm 3 lượt đấu, mỗi lượt 04 đội. Các đội trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm mà Ban Tổ chức đưa ra bằng cách chọn đáp án đúng nhất (a,b,c,d) với hình thức giờ bùng. Mỗi câu trả lời đúng được 01 điểm. 02 đội nhất, nhì của mỗi lượt đấu được chọn vào thi chung kết (nếu các đội bằng điểm nhau, Ban Tổ chức sẽ đưa ra câu hỏi phụ để tính điểm).

3. Vòng chung kết: Có 01 phần thi

Các đội được chọn vào vòng chung kết sẽ bốc thăm nội dung giải quyết tình huống do Ban Giám khảo đưa ra (các đội có 10 phút để suy nghĩ và viết câu trả lời ra giấy A0, sau đó cử 01 thí sinh đại diện của đội lên thuyết trình phần giải quyết tình huống. Thời gian thuyết trình từ 5-7 phút). Đội nào trả lời đúng, đủ ý và đúng thời gian qui định thì được điểm tối đa là 20 điểm.

III. BAN GIÁM KHẢO VÀ TỔ THƯ KÝ

1. Ban giám khảo có nhiệm vụ: Chấm điểm cho các phần thi
2. Tổ thư ký có nhiệm vụ: Tổng hợp điểm, tính trung bình điểm và xếp loại chung của từng đội tham gia dự thi báo cáo Ban Tổ chức và Ban Giám khảo hội thi.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VÀ XẾP LOẠI

1. Nguyên tắc chung

- Từng thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo làm việc khách quan, trung thực, chính xác, độc lập theo đúng kế hoạch.

- Các đội dự thi phải nghiêm túc chấp hành qui chế hội thi, trung thực, văn minh, lịch sự, thân thiện, trên tinh thần giao lưu, học hỏi, đoàn kết. Nếu có thắc mắc hoặc khiếu nại, đề nghị đội trưởng hoặc trưởng đoàn gặp trực tiếp Ban Tổ chức để trình bày và đề xuất ý kiến để cùng giải quyết.

2. Biểu điểm

2.1. Vòng loại

Điểm mỗi phần thi được đánh giá theo thang điểm như sau:

- Phần thi chào hỏi: Thang điểm 10, hệ số 1 (10 x 1)
- Phần thi tiểu phẩm : Thang điểm 10, hệ số 2 (10 x 2)

2.2. Vòng bán kết

- Mỗi câu trả lời đúng được 01 điểm, tổng điểm tối đa là 10.

2.3. Vòng chung kết

- Phần giải quyết tình huống: điểm tối đa là 20 điểm.

Ban Tổ chức sẽ căn cứ vào số điểm của Ban Giám khảo chấm và lấy điểm từ cao xuống thấp để xếp hạng theo cơ cấu giải thưởng của kế hoạch.

V. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

1. Khen thưởng

- 01 giải nhất.
- 02 giải nhì.
- 03 giải ba.
- 06 giải khuyến khích.

Ngoài 12 giải thưởng chính còn có một số giải phụ:

- 01 giải dành cho đội có phần thi chào hỏi ấn tượng nhất.
- 01 giải dành cho đội có phần thi tiểu phẩm hay nhất.
- 01 giải dành cho cơ quan, đơn vị có số lượng cổ động viên đông và nhiệt tình nhất.
- Một số phần quà dành cho khán giả trong phần giao lưu với khán giả.

2. Kỷ luật

Cá nhân hoặc tập thể nào vi phạm những điều qui định tại qui chế này, tùy mức độ nặng, nhẹ sẽ chịu hình thức kỷ luật từ nhắc nhở, trừ điểm các phần thi đến tước quyền tham gia hội thi.

Trên đây là Quy chế hội thi “Tìm hiểu pháp luật về bình đẳng giới” năm 2015 của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh; đề nghị các đơn vị, các bộ phận tham gia tổ chức hội thi và các đội thi thực hiện đúng quy chế này./.

BAN TỔ CHỨC HỘI THI

STT	CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
1	Luật Bình đẳng giới chính thức có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào? a) 01/7/2005 b) 01/7/2006; c) 01/7/2007; d) 01/7/2008.	
2	Luật Bình đẳng giới có bao nhiêu chương, bao nhiêu điều? a) 5 chương và 43 điều; b) 6 chương và 44 điều; c) 7 chương và 45 điều; d) 8 chương và 46 điều.	
3	Luật Bình đẳng giới quy định có bao nhiêu nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới? a) 3 nguyên tắc; b) 4 nguyên tắc; c) 5 nguyên tắc; d) 6 nguyên tắc.	
4	Luật Bình đẳng giới quy định bao nhiêu lĩnh vực cần thực hiện bình đẳng giới trong đời sống xã hội và gia đình a) 08 lĩnh vực; b) 09 lĩnh vực; c) 10 lĩnh vực; d) 11 lĩnh vực.	
5	Thuật ngữ bình đẳng giới trong Luật Bình đẳng giới được hiểu như thế nào? a) Là việc nam, nữ có quyền ngang nhau trong gia đình và xã hội; b) Là việc nam, nữ có trình độ và năng lực ngang nhau trong học tập và công tác; c) Là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó; d) cả a, b, c đều đúng.	
6	Thuật ngữ giới trong Luật Bình đẳng giới được hiểu như thế nào? a) Giới chỉ vai trò của nam và nữ trong các mối quan hệ xã hội; b) Giới chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội; c) Giới chỉ đặc điểm sinh học của nam và nữ; d) Cả a, b, c đều đúng.	
7	Thuật ngữ định kiến giới trong Luật Bình đẳng giới được hiểu như thế nào? a) Là nhận thức sai lệch về năng lực của nam hoặc nữ; b) Là đánh giá thiên lệch về vai trò của nam hoặc nữ; c) Là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ; d) Cả a, b, c đều đúng.	

8	Thuật ngữ chỉ số phát triển giới (GDI) trong Luật Bình đẳng giới được hiểu như thế nào? a) Là số liệu tổng hợp phản ánh thực trạng bình đẳng giới, được tính trên cơ sở tuổi thọ trung bình, trình độ giáo dục và thu nhập bình quân đầu người của nam và nữ; b) Là số liệu tổng hợp trên tất cả các mặt có tách biệt giới của nam và nữ; c) Là số liệu tổng hợp trình độ giáo dục và thu nhập của nam và nữ; d) Cả a, b, c đều đúng.	
9	Đối tượng nào sau đây không áp dụng Luật bình đẳng giới ? a) Cơ quan Nhà nước; b) Tổ chức Chính trị - Xã hội; c) Tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; d) Cả a, b, c đều sai.	
10	Trong trường hợp điều ước quốc tế về bình đẳng giới mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật Bình đẳng giới thì áp dụng quy định nào? a) áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó; b) áp dụng quy định của Luật Bình đẳng giới; c) áp dụng cả a và b; d) cả a và b đều sai.	
11	Luật Bình đẳng giới quy định các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là: a) Bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; b) Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; c) Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; d) Cả a, b đều đúng.	
12	Luật Bình đẳng giới đề ra mục tiêu bình đẳng giới là gì? a) Xoá bỏ phân biệt đối xử về giới; b) Tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ; c) Thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình; d) Cả a, b, c đều đúng.	
13	Luật Bình đẳng giới quy định bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế như thế nào? a) Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp; bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động; b) Nam, nữ bình đẳng trong giới thiệu, quảng bá thương hiệu sản phẩm; c) Nam, nữ bình đẳng trong tiếp cận nguồn tài nguyên, khoáng sản để sản xuất, kinh doanh; d) Cả a, b, c đều đúng.	

14	Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế là gì? a) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật; b) Lao động nữ trong doanh nghiệp được trợ cấp một khoản tiền mà nam giới không được trợ cấp; c) Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật; d) cả a và c đều đúng.	
15	Luật Bình đẳng giới quy định BDG đẳng giới trong lĩnh vực lao động như thế nào? a) Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác; b) Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh; c) Cả a và b đều đúng; d) cả a và b đều sai.	
16	Biện pháp thúc đẩy BDG trong lĩnh vực lao động bao gồm a) Quy định tỷ lệ nam, nữ được tuyển dụng lao động; b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ; c) Người sử dụng lao động tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc trong một số ngành, nghề nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại; d) cả a,b, c đều đúng.	
17	Biện pháp thúc đẩy BDG trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo gồm a) Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo; Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật; b) Nữ giới được ưu tiên đào tạo trong một số ngành nghề đặc thù; c) Cả a và b đều đúng; d) Cả a và b đều sai.	
18	Luật Bình đẳng giới quy định BDG trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao như thế nào? a) Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao; bình đẳng trong hưởng thụ văn hoá, tiếp cận và sử dụng các nguồn thông tin; b) Nam, nữ bình đẳng trong sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật; c) Cả a và b đều sai; d) Cả a và b đều đúng.	

S
 QL
 L
 N
 C
 A
 I
 10/20

19	Nguyên tắc xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới là gì? a) Mọi hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời; b) Việc xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để theo đúng quy định của pháp luật; c) Cả a và b đều đúng; d) Cả a và b đều sai.	
20	Luật Bình đẳng giới quy định bao nhiêu nội dung quản lý nhà nước về bình đẳng giới? a) 08 nội dung; b) 09 nội dung; c) 10 nội dung; d) 11 nội dung.	
21	Luật Bình đẳng giới quy định các hành vi bị nghiêm cấm là? a) Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới; b) Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức; c) Bạo lực trên cơ sở giới và các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật; d) Cả a, b, c đều đúng.	
22	Luật Bình đẳng giới quy định nguồn tài chính cho hoạt động bình đẳng giới từ: a) Ngân sách nhà nước; b) Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân và các nguồn thu hợp pháp khác; c) Ngân sách địa phương; d) Cả a, b đều đúng.	
23	Luật Bình đẳng giới quy định có bao nhiêu hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình? a) 07 hành vi; b) 03 hành vi; c) 06 hành vi; d) 05 hành vi.	
24	Luật Bình đẳng giới quy định BDG trong lĩnh vực y tế như thế nào? a) Nam, nữ bình đẳng trong tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế; b) Nam, nữ bình đẳng trong lựa chọn, quyết định sử dụng biện pháp tránh thai, biện pháp an toàn tình dục, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; c) Phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, khi sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ; d) cả a, b, c đều đúng.	

25	Nghị định số 55/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức phạt tiền tối thiểu và tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về bình đẳng giới là bao nhiêu? a) Tối thiểu 200.000^d và tối đa 40.0000.000^d ; b) Tối thiểu 300.000^d và tối đa 50.0000.000^d ; c) Tối thiểu 400.000^d và tối đa 50.0000.000^d ; d) Tối thiểu 500.000^d và tối đa 50.0000.000^d .	
26	Nghị định số 55/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định Chủ tịch UBND cấp xã có quyền xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới tối đa là bao nhiêu tiền? a) 4.000.000 đồng; b) 3.000.000 đồng; c) 2.000.000 đồng; d) 1.000.000 đồng.	
27	Nghị định số 55/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định Chủ tịch UBND cấp huyện có quyền xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới tối đa là bao nhiêu tiền? a) 30.000.000 đồng; b) 40.000.000 đồng; c) 50.000.000 đồng; d) 60.000.000 đồng.	
28	Nghị định số 55/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định Chủ tịch UBND cấp tỉnh có quyền xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới tối đa là bao nhiêu tiền? a) 20.000.000 đồng; b) 40.000.000 đồng; c) 30.000.000 đồng; d) 50.000.000 đồng.	
29	Nghị định số 55/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định Chánh Thanh tra Sở LĐ-TBXH có quyền xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới tối đa là bao nhiêu tiền? a) 20.000.000 đồng; b) 30.000.000 đồng; c) 40.000.000 đồng; d) 50.000.000 đồng.	
30	Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ quy định Chánh thanh tra cấp Sở của các ngành khác mà phát hiện hành vi vi phạm hành chính về bình đẳng giới thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý của mình thì có quyền xử phạt tối đa là bao nhiêu tiền? a) 20.000.000 đồng; b) 50.000.000 đồng; c) 40.000.000 đồng; d) 30.000.000 đồng.	

31	Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ quy định hành vi xúi giục người khác phá thai vì giới tính của thai nhi, mức phạt là bao nhiêu? a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.	
32	Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính về BDG phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn bao lâu kể từ ngày được giao quyết định xử phạt? a) 10 ngày; b) 15 ngày; c) 20 ngày; d) 30 ngày.	
33	Chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 của Chính phủ, đề ra chỉ tiêu phấn đấu tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2016 - 2020 là bao nhiêu phần trăm ? a) 15% trở lên; b) 35% trở lên; c) 45% trở lên; d) 25% trở lên.	
34	Chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 của Chính phủ, đề ra chỉ tiêu phấn đấu tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2020 là bao nhiêu phần trăm ? a) Trên 25%; b) Trên 35%; c) Trên 40%; d) Trên 30%.	
35	Chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 của Chính phủ, đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến 2015 có bao nhiêu % UBND các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ? a) 60%; b) 70%; c) 80%; d) 90%.	
36	Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ, đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2015, tỉ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt bao nhiêu phần trăm? a) 30%; b) 20%; c) 50%; d) 40%.	
37	Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ có bao nhiêu mục tiêu cụ thể? a) 07 mục tiêu; b) 06 mục tiêu; c) 08 mục tiêu; d) 05 mục tiêu.	

38	Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 có bao nhiêu nhóm giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu? a) 06 nhóm giải pháp; b) 07 nhóm giải pháp; c) 08 nhóm giải pháp; d) 05 nhóm giải pháp.	
39	Nội dung nào sau đây quy định trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới trong Luật Bình đẳng giới? a) Hướng ứng việc sinh con trai, con gái theo ý muốn; b) Phê phán, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử về giới; c) Đề cao vai trò của nữ giới trong gia đình, dòng họ; d) Cả a,c đều đúng.	
40	Chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2020 của Chính phủ, đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt bao nhiêu phần trăm ? a) 30%; b) 40%; c) 50%; d) 60%.	

